TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 25 - 9- 2019
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sơn Hương

2. Bà Trần Thị Thúy Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa*:*
Ông Thạch Tha - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Thạch Đ, sinh năm 1985 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp ÔTA, xã CĐ, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn*: Bà Thạch Thị PL, sinh năm 1986 (Vắng mặt lần thứ hai không lý do)

Địa chỉ: ấp A, xã CD, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Thạch Đ trình bày: Ông và bà Thạch Thị PL chung sống với nhau vào năm

2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CD, huyện CK. Trong quá trình chung sống, ông và bà PL có 01 con chung tên Thạch Đ1, sinh ngày 22/11/2007.

Quá trình chung sống thì giữa ông và bà PL phát sinh mâu thuẫn là do bà PL bỏ nhà đi, không còn muốn chung sống với ông từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay.

Nay ông xin ly hôn với bà PL.

Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà PL cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Thạch Thị PL dù được Tòa án tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để thông báo và triệu tập bà tham gia tố tụng nhưng bà PL không có mặt cũng không có lời khai cung cấp cho Tòa án.

Thạch Đ1 là con chung của ông Thạch Đ và bà Thạch Thị PL trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn thì tôi có nguyện vọng sống với cha.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Đ, cho ông Đ được ly hôn với bà PL; Về con chung, giao con chung tên Thạch Đ1 cho ông Đ nuôi dưỡng, ông Đ không yêu cầu bà PL cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, ông Đ không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về nợ chung, ông Đ khai không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với bà Thạch Thị PL, Tòa án có đến nhà bà để tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng nhưng do bà PL vắng mặt nên mẹ ruột là bà Thạch Thị P đã nhận thay và đã báo lại cho bà PL các văn bản tố tụng để thông báo và triệu tập bà PL đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng

cứ và hòa giải, các văn bản triệu tập bà PL tham gia phiên tòa đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà PL vắng mặt 02 lần không có lý do, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Thạch Thị PL.

[2] Ông Thạch Đ và bà Thạch Thị PL kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về nguyên nhân mâu thuẫn của ông Đ và bà PL do ông Đ khai là do bà PL tự bỏ nhà đi, không muốn tiếp tục chung sống với ông từ hơn 02 năm nay.

[4] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà PL 02 lần nhằm để hòa giải, tạo điều kiện cho ông Đ và bà PL hàn gắn, đoàn tụ nhưng cả 02 lần thông báo bà PL đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện bà PL đã bỏ mặc, không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm và đoàn tụ với ông Đ. Tại phiên tòa, ông Đ cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà PL. Do đó xét thấy mâu thuẫn giữa ông Đ và bà PL đã xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà PL là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Ông Đ yêu cầu được nuôi con chung tên Thạch Đ1. Thấy rằng hiện nay Thạch Đ1 do ông Đ đang nuôi dưỡng và ông Đ vẫn đảm bảo việc nuôi con tốt. Thạch Đ1 cũng có nguyện vọng được sống với ông Đ nên giao Thạch Đ1 cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nhưng ông Thạch Đ không yêu cầu bà Thạch Thị PL cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Ông Thạch Đ không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Ông Thạch Đ khai không có nên Tòa không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Ông Thạch Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Đ.

Cho Thạch Đ được ly hôn với bà Thạch Thị PL

Về con chung: Giao con chung tên Thạch Đ1, sinh ngày 22/11/2007 cho ông Thạch Đ nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông Thạch Đ không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông Thạch Đ khai không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Thạch Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004028 ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Kè. Ông Thạch Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Thạch Thị PL vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện CK;
- CCTHADS huyện CK;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu.

Huỳnh Việt Thắng